

UBND XÃ ĐỒNG TÂM
TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG TÂM

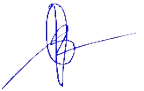
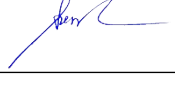
BÁO CÁO
TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025-2026

Đồng Tâm, năm 20

UBND XÃ ĐỒNG TÂM
TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG TÂM

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025-2026**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Vì Thị Chiến	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Phan Thị Thuý Linh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Nguyễn Như Quỳnh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Đặng Thị Nhân	Tổ trưởng chuyên môn 4-5 tuổi	Ủy viên HĐ	
5	Nguyễn Thị Dung	Tổ trưởng chuyên môn 3-4 tuổi	Ủy viên HĐ	
6	Lương Thị Thiêm	Tổ trưởng chuyên môn tổ Nhà trẻ	Thư ký Hội đồng	
7	Bàn Thị Loan	Kế toán Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên HĐ	
8	Phạm Thị Nhung	Tổ phó chuyên môn 3-4 tuổi	Ủy viên HĐ	
9	Triệu Phương Tiêm	Giáo viên kiêm Văn thư	Ủy viên HĐ	

Đồng Tâm, năm 2026

MỤC LỤC

DUNG	Trang
Mục lục	3-4
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6-7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	7
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	7-11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
I. NHÓM TIÊU CHÍ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CNTT VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ	11
Mở đầu	11
Tiêu chí . Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS)	11-12
<i>Kết luận về Nhóm tiêu chí triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</i>	12-13
II. NHÓM TIÊU CHÍ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG QUẢN TRỊ, NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ	13
Mở đầu	13-14
Tiêu chí 2.1. Quản lý thông tin trẻ em	14-15
Tiêu chí 2.2. Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em	15-17
Tiêu chí 2.3. Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	17-18
Tiêu chí 2.4. Quản lý thông tin y tế trường học	18-20
Tiêu chí 2.5. Quản lý thông tin phổ cập giáo dục	20-21
Tiêu chí 2.6. Quản lý thông tin tài sản, tài chính	21-23
Tiêu chí 2.7. Quản lý văn bản điện tử	23-24

Tiêu chí 2.8. Tiềm ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ	24-25
Tiêu chí 2.9. Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ	25-27
Tiêu chí 2.10. Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường	27-28
Tiêu chí 2.11. Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng	28-29
Tiêu chí 2.12. Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)	29-30
Tiêu chí 2.13. Ban hành, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	30-31
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</i>	31
III. NHÓM TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRIỂN KHAI DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN	32
Mở đầu	32-33
Tiêu chí 3.1. Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến.	33-34
Tiêu chí 3.2. Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: thông tin thông báo, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá.	34-35
Tiêu chí 3.3. Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	35-36
<i>Kết luận về Nhóm tiêu chí chuyển đổi số triển khai dịch vụ trực tuyến</i>	36
IV. NHÓM TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ	36
Mở đầu	36-37
Tiêu chí 4.1. Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	37

Tiêu chí 4.2. Tỷ lệ giáo viên hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số.	38-39
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số</i>	39
V. NHÓM TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ HẠ TẦNG, THIẾT BỊ PHỤC VỤ QUẢN TRỊ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ	39
Mở đầu	39-40
Tiêu chí 5.1. Tỷ lệ phòng học có thiết bị (như: thiết bị trình chiếu, tivi, máy tính, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị phụ trợ khác) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet (trong trường hợp thiết bị có cổng kết nối Internet)	40-41
Tiêu chí 5.2. Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non	41
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí chuyển đổi số hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</i>	41-42
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	42
Phần IV. PHỤ LỤC	42-46

1. Kết quả tự đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng, kết quả đạt)

1.1. Đánh giá các tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ			
Tiêu chí 1		x	
Nhóm tiêu chí: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ			
Tiêu chí 2.1		x	
Tiêu chí 2.2		x	
Tiêu chí 2.3		x	
Tiêu chí 2.4		x	
Tiêu chí 2.5		x	
Tiêu chí 2.6		x	
Tiêu chí 2.7		x	
Tiêu chí 2.8		x	
Tiêu chí 2.9		x	
Tiêu chí 2.10		x	
Tiêu chí 2.11		x	
Tiêu chí 2.12		x	
Tiêu chí 2.13		x	
Nhóm tiêu chí: Triển khai dịch vụ trực tuyến			
Tiêu chí 3.1		x	
Tiêu chí 3.2		x	

Tiêu chí 3.3		x	
Nhóm tiêu chí: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số			
Tiêu chí 4.1		x	
Tiêu chí 4.2		x	
Nhóm tiêu chí: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ			
Tiêu chí 5.1		x	
Tiêu chí 5.2		x	

1.2. Kết quả: Đạt mức độ 2

2. Kết luận: Đạt mức độ 2

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh: Tuyên Quang

Xã: Đồng Tâm

Điện thoại: 0945889126: Fax

Email: c0dongtam.bacquang@hagiang.edu.vn.

Website: <https://mndongtam-dongtam.gddt.edu.vn>

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 2.

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Chỉ tiêu kế hoạch giao năm học 2025-2026: Tổng số 16 nhóm lớp/376 cháu. Trong đó: Nhà trẻ 04 nhóm/83 trẻ; lớp mẫu giáo 12 lớp/293 trẻ.

- Thực hiện: 16 nhóm lớp/376 trẻ. Trong đó nhà trẻ: 04 nhóm/83 trẻ; Mẫu giáo 12 lớp/293 trẻ và tổ chức ăn bán trú tại trường 285/376 trẻ đạt 75,79%.

+ Số trẻ học tại trường

Tổng số	Công lập			
	Nhà trẻ	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi
376	83	99	88	106

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên

Tổng số	Biên chế	CB QL	Giáo viên					Nhân viên						
			TS	NT	3T	4T	5T	TS	Kế toán	Thủ quỹ	Y Tế	Thư viện	Cấp dưỡng	Bảo vệ
39	29	3	29	8	6	3	12	7	1	0	0	0	5	1

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- Ban chỉ đạo chuyển đổi số: 08 thành viên
- Số lượng VCQL, giáo viên tham gia bồi dưỡng CNTT: 100%
- Đã phân công cho đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách trực tiếp thực hiện công tác chuyển đổi số của nhà trường. |

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

- Tổng số máy tính phục vụ công tác quản lý: 03 máy.
- Tổng số phòng học có kết nối mạng Internet: 06/16 đạt 37,5%.

- Về cơ sở vật chất: Nhà trường có tương đối đủ đảm bảo cho công tác chăm sóc và giáo dục trẻ. Khối phòng hành chính quản trị được xây dựng bán kiên cố; các nhóm lớp có công trình vệ sinh khép kín; có 16 phòng học; 02 bếp tổ chức nấu ăn theo quy trình một chiều, có đủ công trình nước sạch cho 05 điểm trường; 06 sân chơi trong đó có 03 sân chơi có đồ chơi ngoài trời.

- Thiết bị dạy học: Nhà trường đã trang bị tương đối đầy đủ các thiết bị đồ dùng đồ chơi theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu cho GDMN, bao gồm nhóm trẻ 02 bộ, mẫu giáo 06 bộ.

4. Các số liệu khác: Không

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non Đồng Tâm nằm trên địa bàn xã Đồng Tâm, tỉnh Tuyên Quang. Trường có 05 điểm trường lẻ với 16 nhóm, lớp và 376 học sinh. Có tổng số 39 viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên (Trong đó: Biên chế 29 người, hợp đồng 111 có 04 người, hợp đồng nhân viên phục vụ 05 người, bảo vệ 01 người).

Thực hiện Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ GDĐT về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non: Trường mầm non Đồng Tâm đã xác định rõ mục đích của công tác tự đánh giá nhằm giúp trường mầm non xác định nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em mầm non, xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục: thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận mức độ chuyển đổi số của nhà trường.

Từ mục đích đó nhà trường đã tiến hành thành lập Hội đồng tự đánh giá; Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; Viết báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá để toàn thể viên chức quản lý (VCQL), giáo viên, nhân viên (GV, NV) trong nhà trường thấy rõ thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường theo yêu cầu đánh giá các tiêu chuẩn mà Bộ GD&ĐT đã quy định. Trên cơ sở đó, nhà trường đề ra kế hoạch và các giải pháp cải tiến để khắc phục những hạn chế yếu kém về các tiêu chí trên từng tiêu chuẩn để nâng cao chất lượng các mặt hoạt động, lĩnh vực công tác của nhà trường ngày một tốt hơn.

Trong những năm gần đây, nhà trường đã chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đặc biệt, chuyển đổi số đang trở thành xu hướng tất yếu nhằm nâng cao chất lượng giáo

dục và tối ưu hóa công tác quản trị. Nhận thức rõ được tầm quan trọng của tự đánh giá Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ GDĐT về Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non; các thành viên của các bộ phận trong nhà trường đã chủ động tích cực tham gia thực hiện quy trình tự đánh giá một cách trung thực. Trong quá trình làm việc nhiều vấn đề phức tạp đã nảy sinh như: Hệ thống số liệu lưu trữ về một số nội dung chưa đầy đủ; nhiều công việc đã làm thực sự có hiệu quả nhưng hồ sơ lưu trữ lại ít được quan tâm; hạ tầng CNTT của nhà trường đã được đầu tư nhưng vẫn còn hạn chế ở một số mặt như thiết bị chưa đồng bộ, hệ thống mạng đôi khi chưa ổn định; lượng thời gian dành cho công tác tự kiểm tra đánh giá không có nhiều. Tuy nhiên, với sự nỗ lực cố gắng của đội ngũ nhà trường, các khó khăn trên đã từng bước được khắc phục.

2. Mục đích tự đánh giá

- Thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo “Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục mầm non” được ban hành tại Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để đánh giá công tác chuyển đổi số của nhà trường trong năm học 2025-2026.

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo của các cấp

- + Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non;

- + Kế hoạch số 31/KH-SGDDT ngày 21/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang về việc thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong ngành Giáo dục và Đào tạo;

- + Kế hoạch số 321/KH-BCĐ ngày 22/9/2025 của UBND xã Đồng Tâm về triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 trên địa bàn xã Đồng Tâm đến hết năm 2025.

- + Kế hoạch số 198/KH-BCĐ ngày 26/9/2025 của trường Mầm non Đồng Tâm về triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06, ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê giáo dục năm học 2025-2026;

- Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, trường Mầm non Đồng Tâm tiến hành tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường để xác định rõ những tiêu chí đạt được, không đạt được theo yêu cầu đánh giá của Bộ GD&ĐT.

- Tự đánh giá mức độ thực hiện chuyển đổi số theo Bộ chỉ số đánh giá của Bộ GD&ĐT.

- Xác định điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề xuất kế hoạch cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non.

- Minh bạch hóa quá trình chuyển đổi số, tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn lực hỗ trợ từ các cấp quản lý và cộng đồng.

- Từng bước nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; làm cơ sở xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại về công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường. Trên cơ sở đó, nhà trường xác định những điểm mạnh, điểm yếu để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và đẩy mạnh hơn nữa những kết quả đã đạt được với mong muốn chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường ngày càng phát triển đáp ứng yêu cầu giáo dục của giai đoạn hiện nay.

2. Tóm tắt quá trình và những nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

2.1. Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện

- Đã ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai kế hoạch tới toàn thể đội ngũ VCQL, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh trong đơn vị.

+ Kế hoạch số 139/KH-MNĐT ngày 04/9/2025 về thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

+ Quyết định số 196/QĐ-MNĐT ngày 25/9/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06, ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026;

+ Kế hoạch số 198/QĐ-MNĐT ngày 25/9/2025 của trường Mầm non Đồng Tâm về triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06, ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê giáo dục năm học 2025 -2026;

+ Quyết định số 200/QĐ-MNĐT ngày 26/9/2025 về việc thành lập Tổ giúp việc triển khai Hệ thống Cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số năm học 2025-2026 và nhiều văn bản khác.

- Nhà trường đã tổ chức thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số theo đúng quy trình tự đánh giá như sau:

+ Ra Quyết định số 204/QĐ-MNĐT ngày 08/10/2025 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026.

+ Xây dựng Kế hoạch số 205/KH-MNĐT ngày 08/10/2025 về tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026.

+ Hội đồng tiến hành tự đánh giá dựa trên các hồ sơ, minh chứng cụ thể: xây dựng Biên bản tự đánh mức độ chuyển đổi số theo đúng quy định.

+ Hoàn thiện báo cáo công tác triển khai việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị.

+ Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026.

- Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng tự đánh giá công tác chuyển

đội số gồm viên chức chủ chốt của trường, người đứng đầu các đoàn thể, các bộ phận chức năng, giáo viên có năng lực. Ban thư ký là giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng viết báo cáo cho từng nhóm chuyên trách.

- Quá trình tự đánh giá dựa trên các minh chứng thu thập được từ hồ sơ sổ sách, phần mềm quản lý, khảo sát thực tế và phản hồi từ giáo viên, phụ huynh.

- Các tiêu chí được đánh giá chi tiết theo 5 nhóm nội dung: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS), Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; triển khai dịch vụ trực tuyến; phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số; hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác và ban thư ký đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chí của Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trường mầm non. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao các hoạt động của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá.

2.2. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động Tự đánh giá

- Nhà trường đã có kế hoạch chuyển đổi số rõ ràng, được công bố từ đầu năm học.

- Hệ thống phần mềm quản lý học sinh và tài chính đã được triển khai hiệu quả.

- Dịch vụ kết nối giữa nhà trường và phụ huynh hoạt động tốt. Hệ thống tuyển sinh trực tuyến được triển khai nhưng chưa thực sự hiệu quả. Nhà trường đã đăng thông tin tuyển sinh rộng rãi trên cổng thông tin và Facebook, Zalo...

- Đội ngũ giáo viên tiếp cận nhanh với công nghệ nhưng vẫn cần đào tạo thêm về khai thác học liệu số.

- Hạ tầng CNTT cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhưng cần đầu tư thêm thiết bị cho phòng học và nâng cấp mạng Internet.

- Đẩy mạnh thanh toán các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, kết nối phần mềm quản lý các khoản thu của nhà trường với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt. Đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- Quá trình tự đánh giá giúp nhà trường nhận diện chính xác thực trạng, từ đó xây dựng kế hoạch cải thiện phù hợp với điều kiện thực tế.

- Trường Mầm non Đồng Tâm đang từng bước triển khai chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng quản lý, giảng dạy và chăm sóc trẻ.

- Quá trình tự đánh giá dựa trên thực trạng triển khai tại trường và các minh chứng thực tế.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CNTT VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ

*** Mở đầu**

Trong năm học 2025-2026, Trường Mầm non Đồng Tâm đã xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường đã ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; từng bước đầu tư hạ tầng công nghệ, bổ sung thiết bị dạy học, xây dựng học liệu số và triển khai các phần mềm hỗ trợ quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế học liệu, tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và tăng cường phối hợp với cha mẹ trẻ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc chuyển đổi số trong dạy, học vẫn còn một số hạn chế như cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ tại một số điểm trường còn thiếu; năng lực ứng dụng công nghệ của một số giáo viên chưa đồng đều; nguồn học liệu số còn cần tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm từng bước khắc phục các hạn chế, nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong dạy học.

1. Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS)

1.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025-2026 phù hợp với điều kiện thực tế và nhiệm vụ năm học; kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm và lộ trình thực hiện đối với từng bộ phận, cá nhân

Kế hoạch được triển khai đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn và được lồng ghép vào kế hoạch chuyên môn của các tổ, nhóm. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện.

Nhà trường đã ban hành các văn bản chỉ đạo về ứng dụng CNTT, quy chế quản lý, khai thác và sử dụng các phần mềm, học liệu số; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ; từng bước triển khai các hoạt động ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong thiết kế bài giảng, học liệu và tổ chức hoạt động giáo dục.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng

Trường Mầm non Đồng Tâm đã ban hành Kế hoạch số 198/KH-BCĐ ngày 26/9/2025 của Ban Chỉ đạo triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho năm

học 2025-2026. Kế hoạch xác định các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm xây dựng văn bản quy định, tuyên truyền nâng cao nhận thức, tập huấn năng lực số và AI, bố trí cơ sở vật chất, ứng dụng CNTT trong quản lý nhà trường và triển khai dịch vụ công trực tuyến [1 - 02]. Kế hoạch lồng ghép trong kế hoạch năm học, căn cứ vào Kế hoạch số 31/KH-SGDĐT ngày 21/9/2025 của Sở GD&ĐT Tuyên Quang [1 - 02].

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản

Kế hoạch số 198/KH-BCĐ đã được Ban Chỉ đạo phê duyệt và đang được triển khai đồng bộ với các nhiệm vụ cụ thể: xây dựng văn bản hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tổ chức tập huấn năng lực số và AI cho cán bộ giáo viên, bố trí cơ sở vật chất hỗ trợ, ứng dụng CNTT trong quản lý nhà trường và triển khai dịch vụ công trực tuyến [1 - 02]. Triển khai hướng tới chuyển đổi từ quản lý thủ công sang quản lý trên nền tảng dữ liệu số [1 - 02].

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Kế hoạch toàn diện có cơ chế giám sát, đánh giá, báo cáo định kỳ; tổ chức sơ kết 6 tháng và tổng kết năm; có bố trí kinh phí, nhân lực, trang thiết bị đủ để thực hiện.

Kế hoạch có mục tiêu, chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả rõ ràng

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số toàn diện, phê duyệt từ Ban Chỉ đạo với mục tiêu rõ ràng hướng tới quản lý dữ liệu số. Kế hoạch bao quát đầy đủ các lĩnh vực: tuyên truyền nhận thức, tập huấn nhân lực, cơ sở vật chất, ứng dụng quản lý và dịch vụ công trực tuyến. Kế hoạch được lồng ghép hợp lý trong kế hoạch năm học và căn cứ trên hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

e. Điểm yếu

Minh chứng hiện tại chưa nêu rõ các chỉ tiêu cụ thể (định lượng), tiêu chí đánh giá hiệu quả triển khai và kết quả đạt được của từng nhiệm vụ trong kế hoạch. Chưa có tài liệu báo cáo tiến độ hoặc kết quả thực hiện để xác minh tính hiệu quả của kế hoạch.

g. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường cần bổ sung hoặc cập nhật kế hoạch với các mục tiêu, chỉ tiêu định lượng rõ ràng (ví dụ: % giáo viên được tập huấn, số lượng hệ thống thông tin được triển khai, mức độ ứng dụng CNTT trong quản lý). Đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả thường xuyên, lập báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện định kỳ để đo lường thực tế mục tiêu đạt được.

1.2. Tự đánh giá mức: Đạt mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** — / 0

*** Kết luận nhóm tiêu chí triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

Nhà trường đã triển khai tương đối đồng bộ các nội dung chuyển đổi số trong dạy, học; ban hành đầy đủ các kế hoạch, văn bản chỉ đạo; đầu tư hạ tầng

công nghệ, từng bước xây dựng học liệu số và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có ý thức đổi mới, tích cực ứng dụng các nền tảng số trong công tác chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Tuy nhiên, việc đầu tư thiết bị công nghệ tại một số điểm trường còn hạn chế; năng lực ứng dụng công nghệ của đội ngũ chưa thật đồng đều; học liệu số cần tiếp tục được cập nhật, bổ sung và chuẩn hóa. Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục ưu tiên nguồn lực để hoàn thiện hạ tầng số, nâng cao năng lực số cho đội ngũ, mở rộng ứng dụng các nền tảng số và trí tuệ nhân tạo trong dạy học, phân đầu duy trì và nâng cao chất lượng chuyển đổi số theo các tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tự đánh giá nhóm tiêu chí 1: Đạt mức 2 - Đáp ứng cơ bản

II. NHÓM TIÊU CHÍ 2: TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG QUẢN TRỊ, NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ

*** Mở đầu**

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, Trường Mầm non Đồng Tâm đã tích cực triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản trị nhà trường, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã từng bước số hóa dữ liệu, ứng dụng các phần mềm quản lý trong hầu hết các lĩnh vực hoạt động, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm khối lượng hồ sơ giấy, tăng tính chính xác, kịp thời trong xử lý thông tin và hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành.

Các ứng dụng quản trị được triển khai đồng bộ trong quản lý thông tin trẻ em, quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên; quản lý sức khỏe trẻ, y tế trường học, phổ cập giáo dục, tài sản, tài chính, văn bản điện tử; đồng thời ứng dụng các phần mềm hỗ trợ xây dựng thực đơn, tính khẩu phần ăn, tổ chức hoạt động giáo dục, kết nối với cha mẹ trẻ, tuyên truyền kiến thức nuôi dạy trẻ và trao đổi dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục. Nhà trường cũng đã ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng các ứng dụng số nhằm bảo đảm việc sử dụng thống nhất, hiệu quả, đúng quy định và an toàn thông tin.

Nhờ triển khai các ứng dụng số, công tác quản trị của nhà trường ngày càng khoa học, minh bạch; dữ liệu được cập nhật thường xuyên, phục vụ hiệu quả việc thống kê, báo cáo và ra quyết định quản lý. Việc phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ trẻ được tăng cường thông qua các nền tảng số, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Tuy nhiên, do điều kiện của địa phương miền núi còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại một số điểm trường chưa thật sự đồng bộ; một số phần mềm chưa được tích hợp hoàn toàn; kỹ năng khai thác dữ liệu và ứng dụng công nghệ số của một số cán bộ, giáo viên còn cần tiếp tục được nâng cao. Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tăng cường bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ, hoàn thiện việc số hóa hồ sơ,

mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và nâng cao hiệu quả khai thác các ứng dụng quản trị, góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

Nhóm tiêu chí 2 gồm có 13 tiêu chí con

- Quản lý thông tin trẻ em;
- Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em;
- Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên;
- Quản lý thông tin y tế trường học;
- Quản lý thông tin phổ cập giáo dục;
- Quản lý thông tin tài sản, tài chính;
- Quản lý văn bản điện tử;
- Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ;
- Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ;
- Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường;
- Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng;
- Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GD&ĐT quản lý);
- Ban hành, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: (Điều kiện bắt buộc: Quy chế, văn bản).

2.1. Quản lý thông tin trẻ em

2.1.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ trẻ, mọi thông tin cập nhật thường xuyên, dễ dàng truy xuất khi cần thiết, đồng bộ mã định danh CSDL dân cư.

Thông tin trẻ em được cập nhật, quản lý trên 02 phần mềm vnedu với đường link <https://vnedu.vn> và phần mềm cơ sở dữ liệu ngành đường link <https://csdl.tuyenquang.edu.vn>

<https://truong.tuyenquang.edu.vn/MN/DSHocSinh.aspx>
<https://truong.tuyenquang.edu.vn/LienThongDanCu/MN/HocSinhDongBoSoDinhDanhCaNhan.aspx>

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng

Trường Mầm non Đồng Tâm đã lập hồ sơ quản lý trẻ em cơ bản với đầy đủ thông tin cá nhân học sinh bao gồm mã định danh Bộ GD&ĐT, số định danh cá nhân, ngày sinh, giới tính, lớp học và thông tin thường trú. Danh sách quản lý được lập cho năm học 2025-2026 với tổng số 376 học sinh (DanhSachDongBoHocSinh.xlsx) [2.1 - 04].

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản

Nhà trường cập nhật dữ liệu trẻ em vào CSDL ngành thường xuyên và đầy đủ. Năm học 2025-2026, 100% hồ sơ của 376 trẻ được cập nhật, duy trì và đồng bộ trên hệ thống vnEdu, đảm bảo tính hiện tại và chính xác của thông tin quản lý (Báo cáo tổ chức quản lý trẻ em năm học 2025-2026: 376/376 hồ sơ cập nhật đầy đủ) [2.1 - 06] [2.1 - 05].

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Trường đã đồng bộ mã định danh cá nhân của trẻ em với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Số liệu cho thấy 374/376 trẻ (đạt 99,46%) được cập nhật mã định danh cá nhân và xác thực thành công với CSDL quốc gia (Báo cáo tổ chức quản lý trẻ em năm học 2025-2026) [2.1 - 06] [2.1 - 05]. Danh sách học sinh xác thực ghi nhận tất cả các trẻ đều có trạng thái 'Định danh thành công' [2.1 - 07] [2.1 - 04].

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin trẻ em hoàn chỉnh trên phần mềm vnEdu/CSDL ngành với tỷ lệ cập nhật 100% (376/376 hồ sơ). Công tác đồng bộ mã định danh cá nhân với CSDL quốc gia về dân cư đạt tỷ lệ cao 99,46% (374/376 trẻ). Toàn bộ trẻ em quản lý đều được xác thực định danh thành công, góp phần giảm hồ sơ giấy và thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục.

e. Điểm yếu

Còn 2/376 trẻ (0,54%) chưa được cập nhật mã định danh cá nhân hoặc chưa xác thực định danh thành công với CSDL quốc gia về dân cư.

g. Kế hoạch cải tiến

Rà soát và hoàn thiện quá trình xác thực mã định danh cá nhân cho 2 trẻ còn lại, hướng tới đạt tỷ lệ 100% đồng bộ với CSDL quốc gia về dân cư. Thực hiện kiểm tra định kỳ hồ sơ trẻ em để đảm bảo dữ liệu luôn được cập nhật chính xác trên hệ thống.

2.1.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 3 - Đáp ứng tốt **Điểm:** 4/5

2.2. Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục.

Nhà trường quản lý sức khỏe học sinh, theo dõi trẻ suy dinh dưỡng/thừa cân/béo phì trên phần mềm. Cân đo hàng tháng đối với trẻ dưới 24 tháng tuổi, 3 tháng/lần đối với trẻ 24 tháng trở lên.

Quản lý sức khỏe nuôi dưỡng trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành link: <https://truong.tuyenquang.edu.vn/MN/NhapCanNang.aspx>

Quản lý sức khỏe học sinh trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành link: <https://truong.tuyenquang.edu.vn/giaoducthechat/mn/nhapthongtinsuckhoehocsinh.aspx>

Phối hợp với Trạm y tế xã để khám sức khỏe học sinh định kỳ ít nhất 2 lần/năm học <https://mndongtam-dongtam.gddt.edu.vn/tin-tuc-su-kien/truong-mam-non-dong-tam-tram-y-te-xa-dong-tam-phoi-hop-to-chuc-kham-suc-khoe-hoc-sinh-cuoi-nam-hoc-2025-2026.html>

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Có theo dõi tiêm ngừa và khám sức khỏe cơ bản

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Cập nhật đầy đủ biểu đồ tăng trưởng

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Phân tích dữ liệu, can thiệp suy dinh dưỡng/thừa cân béo phì trên phần mềm CSDL ngành

Hệ thống quản lý sức khỏe định kỳ. Cập nhật thông tin tiêm chủng, cân nặng, chiều cao theo độ tuổi.

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện việc quản lý, theo dõi sức khỏe trẻ em theo quy định; có hồ sơ theo dõi sức khỏe cho 100% trẻ.

Thông tin về cân nặng, chiều cao, tình trạng dinh dưỡng, lịch khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng của trẻ được cập nhật đầy đủ, thường xuyên.

Đã ứng dụng các phần mềm quản lý trường học hoặc bảng tính điện tử để lưu trữ, tổng hợp và theo dõi số liệu sức khỏe trẻ.

Giáo viên, nhân viên y tế phối hợp chặt chẽ trong việc cập nhật, quản lý và báo cáo tình hình sức khỏe của trẻ.

Dữ liệu sức khỏe được khai thác hiệu quả trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và tư vấn cho phụ huynh.

e. Điểm yếu

Việc số hóa hồ sơ sức khỏe trẻ chưa được thực hiện đồng bộ trên tất cả các nhóm, lớp.

Một số thông tin sức khỏe của trẻ vẫn còn được lưu trữ song song bằng hồ sơ giấy, gây khó khăn trong việc tra cứu và thống kê.

Chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu sức khỏe tập trung, liên thông và cập nhật theo thời gian thực.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của một số cán bộ, giáo viên trong quản lý hồ sơ sức khỏe còn hạn chế.

Việc chia sẻ, kết nối thông tin sức khỏe với phụ huynh thông qua các nền tảng số chưa được triển khai rộng rãi.

g. Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc số hóa 100% hồ sơ theo dõi sức khỏe trẻ em trong toàn trường.

Tăng cường ứng dụng phần mềm quản lý sức khỏe trẻ em, đảm bảo dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tập trung về sức khỏe trẻ, thuận tiện cho việc tra cứu, thống kê và báo cáo.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý và chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên y tế trường học.

Tăng cường phối hợp với phụ huynh thông qua các nền tảng số (Zalo, ứng dụng quản lý trường học, sổ liên lạc điện tử) để trao đổi thông tin về tình trạng sức khỏe của trẻ.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc cập nhật và khai thác dữ liệu sức khỏe nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chăm sóc trẻ.

2.2.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 2/5

2.3. Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

2.3.1. Mô tả hiện trạng

Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Nhà trường quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trên phần mềm, có sổ quản lý nhân sự có đầy đủ thông tin cá nhân, trình độ đào tạo văn bằng được cấp.

Đầu năm học hợp phân công nhiệm vụ cho viên chức quản lý, chuyên môn cho giáo viên. Có bảng thanh toán lương biên chế và hợp đồng theo quy định

Tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp, đánh giá viên chức theo quy định.
Link: <https://truong.tuyenquang.edu.vn/MN/TimKiemDanhGiaGiaoVien.aspx>

Thông tin CBQL, GV, NV trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành link <https://csdl.tuyenquang.edu.vn>; <https://truong.tuyenquang.edu.vn/MN/DSGiaoVien.aspx>

Phần mềm công chức viên chức <https://tuyenquang.vnerp.vn>

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên được lưu trữ cơ bản, đầy đủ và thống nhất.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Hồ sơ được quản lý tập trung, phân công chuyên môn rõ ràng, bảng lương và hợp đồng cập nhật định kỳ.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt: Hồ sơ số hóa toàn diện, tích hợp liên thông; phân công chuyên môn linh hoạt dựa trên dữ liệu đánh giá.

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và quản lý đầy đủ hồ sơ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) theo quy định hiện hành.

Thông tin về lý lịch, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, đào tạo bồi dưỡng, thi đua khen thưởng, đánh giá xếp loại được cập nhật tương đối đầy đủ và kịp thời.

Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ CBQL, GV, NV thông qua các phần mềm quản lý nhân sự, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và các hệ thống quản lý trực tuyến.

Hồ sơ điện tử được lưu trữ khoa học, thuận tiện cho việc tra cứu, tổng hợp số liệu và phục vụ công tác báo cáo.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có ý thức phối hợp trong việc cung cấp, cập nhật thông tin cá nhân và hồ sơ chuyên môn.

e. Điểm yếu

Dữ liệu trên các phần mềm quản lý đôi khi chưa được cập nhật thường xuyên, còn xảy ra tình trạng thiếu đồng bộ giữa các hệ thống.

Một số cán bộ, giáo viên còn hạn chế về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác và cập nhật dữ liệu.

Chưa xây dựng được kho dữ liệu số tập trung, đảm bảo tính liên thông, chia sẻ và khai thác hiệu quả thông tin.

Công tác sao lưu, bảo mật dữ liệu điện tử cần được tăng cường để đảm bảo an toàn thông tin.

g. Kế hoạch cải tiến

Rà soát, cập nhật và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ điện tử của 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, từng bước giảm việc lưu trữ hồ sơ giấy, tiến tới quản lý hoàn toàn trên môi trường số.

Tăng cường ứng dụng các phần mềm quản lý nhân sự, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và các nền tảng số phục vụ công tác quản lý.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

2.3.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 2.5/5

2.4. Quản lý thông tin y tế trường học

2.4.1. Mô tả hiện trạng

Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học trên phần mềm miễn phí cơ sở dữ liệu ngành <https://csdl.tuyenquang.edu.vn>

Có kế hoạch triển khai đảm bảo công tác Y tế trường năm học 2025-2026. Cuối năm lập báo cáo sức khỏe, báo cáo y tế, chấm điểm đánh giá công tác y tế trường học, tổng hợp báo cáo lên trạm y tế xã

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Báo cáo sức khỏe thủ công, chưa có hệ thống quản lý y tế tập trung.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Quản lý y tế qua phần mềm, báo cáo định kỳ, có thư viện văn bản cơ bản.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt: Hệ thống y tế tích hợp, tự động tổng hợp báo cáo và đánh giá sức khỏe.

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện công tác quản lý y tế trường học theo đúng quy định; xây dựng và lưu trữ đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động y tế trường học.

Thông tin về khám sức khỏe định kỳ, theo dõi tình trạng dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích và công tác vệ sinh môi trường được cập nhật thường xuyên.

Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổng hợp, thống kê và báo cáo các hoạt động y tế trường học thông qua phần mềm quản lý và các biểu mẫu điện tử.

Công tác phối hợp giữa nhà trường, cơ sở y tế địa phương và phụ huynh trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trẻ được thực hiện hiệu quả.

Dữ liệu y tế trường học được sử dụng để phục vụ công tác quản lý, theo dõi và xây dựng các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp cho trẻ.

e. Điểm yếu

Việc số hóa hồ sơ và dữ liệu y tế trường học chưa được thực hiện đồng bộ; một số hồ sơ vẫn được lưu trữ dưới dạng giấy.

Chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu y tế trường học tập trung, đảm bảo tính liên thông và thuận tiện trong việc khai thác, sử dụng.

g. Kế hoạch cải tiến

Rà soát, bổ sung và hoàn thiện việc số hóa hồ sơ, dữ liệu y tế trường học; phấn đấu quản lý 100% hồ sơ trên môi trường số.

Tăng cường ứng dụng các phần mềm quản lý y tế trường học, đảm bảo dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tập trung về công tác y tế trường học, phục vụ hiệu quả việc theo dõi, thống kê và báo cáo.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ phụ trách công tác y tế trường học.

Thực hiện nghiêm túc quy trình bảo mật, sao lưu và lưu trữ dữ liệu y tế nhằm đảm bảo an toàn thông tin.

Tăng cường phối hợp với trạm y tế và phụ huynh trong việc chia sẻ, cập nhật thông tin chăm sóc sức khỏe trẻ trên các nền tảng số.

2.4.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 2.5/5

2.5. Quản lý thông tin phổ cập giáo dục

2.5.1. Mô tả hiện trạng

Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin phổ cập giáo dục. Hồ sơ lưu tại UBND xã.

Sử dụng phần mềm nhập liệu, tổng hợp số liệu phổ cập giáo dục mầm non. Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác thống kê và dữ liệu học sinh trên phần mềm phổ cập. Link phần mềm <https://pcgd.vn>

Đồng bộ dữ liệu với hệ thống quản lý của Bộ, Sở GD&ĐT.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Cập nhật đầy đủ thông tin học sinh trên phần mềm.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Cập nhật kịp thời, chính xác số liệu học sinh trên phần mềm.

c. độ 3 - Đáp ứng tốt: Dữ liệu phổ cập được cập nhật liên tục, đồng bộ và chính xác.

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục theo đúng quy định của ngành; hồ sơ, dữ liệu phổ cập giáo dục được xây dựng và quản lý tương đối đầy đủ.

Thông tin về trẻ trong độ tuổi phổ cập, tình hình huy động trẻ ra lớp, duy trì sĩ số và kết quả phổ cập được cập nhật thường xuyên trên hệ thống quản lý phổ cập giáo dục.

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổng hợp, thống kê, báo cáo và lưu trữ dữ liệu phổ cập giáo dục, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

Cán bộ phụ trách công tác phổ cập giáo dục có tinh thần trách nhiệm, chủ động rà soát, đối chiếu và cập nhật dữ liệu định kỳ.

Công tác phối hợp giữa nhà trường, chính quyền địa phương và các ban, ngành, đoàn thể trong việc điều tra, cập nhật thông tin phổ cập được thực hiện khá hiệu quả.

e. Điểm yếu

Việc cập nhật, đồng bộ dữ liệu phổ cập giáo dục trên hệ thống điện tử đôi khi chưa kịp thời, còn phụ thuộc vào việc thu thập thông tin thực tế.

Một số hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác phổ cập vẫn được lưu trữ dưới dạng giấy, chưa được số hóa hoàn toàn.

Kỹ năng khai thác, sử dụng và quản lý dữ liệu số của một số cán bộ phụ trách còn hạn chế.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống quản lý chưa thực sự đồng bộ, dẫn đến việc phải nhập liệu nhiều lần.

Công tác sao lưu, bảo mật và lưu trữ dữ liệu điện tử cần được tăng cường để đảm bảo an toàn thông tin.

g. Kế hoạch cải tiến

Rà soát, cập nhật và chuẩn hóa toàn bộ dữ liệu phổ cập giáo dục trên hệ thống, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và đồng bộ; thực hiện kiểm tra, đối chiếu dữ liệu định kỳ hàng quý.

Tiếp tục số hóa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, báo cáo và các minh chứng liên quan đến công tác phổ cập giáo dục; xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử khoa học, thuận tiện cho việc tra cứu và khai thác.

Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng phần mềm và khai thác dữ liệu số cho cán bộ phụ trách công tác phổ cập giáo dục.

Thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ, phân quyền khai thác và tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

Đẩy mạnh việc sử dụng dữ liệu phổ cập giáo dục trong công tác quản lý, thống kê, dự báo và xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường.

Phấn đấu hoàn thiện đầy đủ minh chứng và nâng cao chất lượng quản lý thông tin phổ cập giáo dục, đáp ứng yêu cầu đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục

2.5.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản Điểm: 3/5

2.6. Quản lý thông tin tài sản, tài chính.

2.6.1. Mô tả hiện trạng

Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính. Sử dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, quản lý thông tin tài sản là phần mềm tự mua: <https://qltstuyenquang.dtsoft.vn/>

Hàng năm thực hiện báo cáo tình hình tăng giảm tài sản cố định, báo cáo quyết toán tài chính đầy đủ đúng quy định.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Sử dụng phần mềm quản lý tài sản, tài chính ở mức nhập liệu cơ bản.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Phần mềm quản lý tài sản, tài chính vận hành ổn định, hỗ trợ quy trình.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt: Tích hợp tự động hóa quản lý tài sản, tài chính với báo cáo thông minh.

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai sử dụng các phần mềm quản lý tài chính, kế toán và quản lý tài sản theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, theo dõi và báo cáo.

Các hoạt động thu, chi, quyết toán, quản lý ngân sách được thực hiện trên môi trường số, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và thuận tiện trong tra cứu, tổng hợp số liệu.

Hồ sơ, chứng từ kế toán và tài sản được từng bước số hóa, lưu trữ điện tử, giảm khối lượng hồ sơ giấy.

Việc quản lý tài sản, trang thiết bị được cập nhật thường xuyên trên phần mềm, giúp theo dõi tình trạng sử dụng, bảo trì, thanh lý tài sản hiệu quả.

Nhà trường thực hiện công khai tài chính theo quy định thông qua các nền tảng số và các hình thức điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát.

Đội ngũ cán bộ quản lý, kế toán đã có kỹ năng cơ bản trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các phần mềm quản lý tài chính, tài sản.

e. Điểm yếu

Việc số hóa hồ sơ, chứng từ tài chính và hồ sơ quản lý tài sản chưa thực hiện đồng bộ, một số hồ sơ vẫn phải lưu trữ dưới dạng giấy.

Dữ liệu quản lý tài sản và tài chính chưa được tích hợp, liên thông hoàn toàn giữa các phần mềm và hệ thống quản lý.

Công tác cập nhật, kiểm kê, theo dõi biến động tài sản trên phần mềm đôi khi chưa kịp thời.

Việc khai thác các tính năng phân tích, thống kê, báo cáo thông minh của phần mềm còn hạn chế.

Một số cán bộ, nhân viên chưa được bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý tài chính và tài sản.

Chưa xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu số tập trung phục vụ công tác quản trị tài chính và tài sản của nhà trường.

g. Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng các phần mềm quản lý tài chính, kế toán và quản lý tài sản theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, chứng từ tài chính, hồ sơ quản lý tài sản; xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử tập trung của nhà trường.

Tăng cường ứng dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử và các giải pháp lưu trữ số trong quản lý tài chính, tài sản.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho cán bộ quản lý, kế toán và nhân viên phụ trách tài sản.

Thực hiện cập nhật, kiểm kê, đối chiếu tài sản định kỳ trên hệ thống phần mềm, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Đẩy mạnh khai thác các chức năng báo cáo, thống kê, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

Tăng cường công khai, minh bạch các hoạt động tài chính theo quy định thông qua các nền tảng số.

Phân đầu đến cuối năm học đạt tỷ lệ 100% hồ sơ tài chính và quản lý tài sản được thực hiện, lưu trữ và khai thác trên môi trường số, góp phần nâng cao mức độ chuyển đổi số và hiệu quả quản trị nhà trường.

2.6.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 1.5/3

2.7. Quản lý văn bản điện tử

2.7.1. Mô tả thực trạng

Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử, thực hiện ký số các văn bản trên hệ thống. Thực hiện ký số, giảm thiểu văn bản giấy. Link <https://tuyenquang.vnptioffice.vn/quantri/Default.aspx>

Áp dụng hệ thống quản lý văn bản, lưu trữ hồ sơ điện tử, số hóa các tài liệu quan trọng.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng

Nhà trường đã triển khai hệ thống quản lý văn bản điện tử và áp dụng trong các hoạt động chỉ đạo, điều hành, chuyên môn. Toàn bộ cán bộ quản lý (3/3 người) sử dụng hệ thống này trong công tác chỉ đạo, điều hành; 100% giáo viên (29/29 người) tiếp nhận và thực hiện văn bản điện tử phục vụ công tác chuyên môn (BC quản lý văn bản điện tử năm học 2025-2026) [2.7 - 06].

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản

Nhà trường đã triển khai quản lý văn bản điện tử với quy trình ổn định và bao quát. Hệ thống được toàn bộ cán bộ, giáo viên sử dụng thường xuyên trong công tác điều hành và chuyên môn, cho thấy quy trình đã được tiêu chuẩn hóa và đảm bảo hiệu quả. Báo cáo năm học 2025-2026 xác nhận tỷ lệ áp dụng đạt 100% đối với cán bộ quản lý và giáo viên [2.7 - 06].

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Hệ thống quản lý văn bản điện tử được triển khai toàn diện, 100% giáo viên, nhân viên sử dụng email công vụ và chữ ký số; quy trình lưu trữ số hóa định kỳ.

d. Điểm mạnh

Hệ thống quản lý văn bản điện tử được triển khai toàn diện, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng. 100% văn bản được xử lý qua hệ thống, quy trình ổn định không có lỗi hỏng. Chữ ký số được triển khai rộng rãi với hầu hết chứng thư hoàn thành. Viên chức quản lý sử dụng hiệu quả văn bản điện tử trong chỉ đạo, điều hành.

e Điểm yếu

Chưa tích hợp tự động hóa quy trình (workflow tự động, phê duyệt tự động, chuyển tiếp công văn tự động). Chưa có bằng chứng liên thông dữ liệu giữa các hệ thống. Một số giáo viên vẫn còn lỗi/chưa hoàn thành cập nhật chứng thư chữ ký số.

g. Kế hoạch cải tiến

Triển khai các tính năng tự động hóa: thiết lập workflow tự động, quy trình phê duyệt tự động, chuyển tiếp công văn tự động theo cấu hình quy trình. Xây dựng liên thông dữ liệu giữa hệ thống quản lý văn bản và các hệ thống quản lý khác (nhân sự, học sinh, tài chính). Kiểm tra, hoàn thiện cập nhật chứng thư chữ ký số cho tất cả giáo viên, giải quyết các trường hợp lỗi.

2.7.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 1/3

2.8. Tiềm ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng

2.8.1. Mô tả thực trạng

Nhà trường thực hiện công tác nuôi dưỡng đảm bảo khẩu phần đạt nhu cầu về năng lượng, cân đối các chất dinh dưỡng sinh năng lượng theo thực đơn hằng ngày cho trẻ theo quy định và lưu trữ hồ sơ đầy đủ.

Sử dụng bảng tính tính khẩu phần ăn theo độ tuổi, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý.

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1P9hEEHzX6otElOB6qzr9ELiKtkgeJx8w/edit?usp=sharing&ouid=102257424081428993826&rtpof=true&sd=true>

Thực đơn được thông báo thường xuyên đến cha mẹ trẻ theo tuần tại bếp ăn và trên trên zalo nhóm lớp.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Thực đơn hằng ngày nhưng chưa tính khẩu phần dinh dưỡng.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Thực đơn đã tính khẩu phần, công khai cho phụ huynh.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt: Thực đơn cân đối dinh dưỡng, cập nhật và minh bạch thông tin.

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã sử dụng phần mềm hỗ trợ xây dựng thực đơn, tính khẩu phần ăn và cân đối các chất dinh dưỡng cho trẻ theo từng độ tuổi, góp phần nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng.

Việc tính toán khẩu phần, năng lượng, các nhóm chất (protein, lipid, glucid, vitamin và khoáng chất) được thực hiện đảm bảo tính khoa học, chính xác và thuận tiện trong quản lý.

Thực đơn được xây dựng đa dạng, phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của trẻ, được lưu trữ, cập nhật và quản lý bằng các ứng dụng, phần mềm điện tử.

Nhà trường đã thực hiện công khai thực đơn, khẩu phần ăn của trẻ trên các nền tảng số như website, nhóm Zalo, bảng tin điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh theo dõi, giám sát.

e. Điểm yếu

Việc khai thác đầy đủ các tính năng của phần mềm tính khẩu phần và quản lý dinh dưỡng còn hạn chế; một số nội dung vẫn phải thực hiện kết hợp thủ công.

Một số nhân viên còn hạn chế về kỹ năng sử dụng phần mềm, dẫn đến việc cập nhật, điều chỉnh dữ liệu chưa kịp thời.

Hệ thống lưu trữ, phân tích và thống kê dữ liệu dinh dưỡng chưa thực sự khoa học, chưa khai thác hiệu quả các báo cáo phục vụ công tác quản lý.

Việc chia sẻ, tương tác thông tin về dinh dưỡng với phụ huynh trên môi trường số chưa thường xuyên và chưa đa dạng về hình thức.

g. Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý nuôi dưỡng, tính khẩu phần ăn và hàm lượng dinh dưỡng theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho cán bộ quản lý, nhân viên nuôi dưỡng nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng phần mềm.

Thực hiện số hóa đầy đủ dữ liệu về thực đơn, khẩu phần ăn, định lượng thực phẩm, hồ sơ quản lý nuôi dưỡng; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ công tác quản lý và đánh giá.

Tăng cường ứng dụng công nghệ trong việc phân tích, thống kê, theo dõi tình trạng dinh dưỡng và xây dựng thực đơn phù hợp với từng nhóm tuổi.

Đẩy mạnh công khai, chia sẻ thông tin về thực đơn, khẩu phần và kiến thức dinh dưỡng tới phụ huynh thông qua website, ứng dụng quản lý trường học, mạng xã hội và các nền tảng số khác.

Phấn đấu nâng cao mức độ chuyển đổi số trong công tác nuôi dưỡng, đảm bảo việc quản lý khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng và thực đơn được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong nhà trường.

2.8.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 2.5/7

2.9. Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ

2.9.1. Mô tả thực trạng

Tổ chức hoạt động giáo dục trẻ trên phần mềm, có kho học liệu/tài liệu theo nội dung giáo dục.

Thực hiện tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ làm quen với tiếng Anh qua phần mềm miễn phí <https://babelala.vn> và các ứng dụng khác.

- Kế hoạch giáo dục xây dựng trên phần mềm <https://vnedu.vn> và một số hoạt động đăng trên cổng thông tin điện tử Website: <https://mndongtam-dongtam.gddt.edu.vn/> trên zalo nhóm lớp.

- Ứng dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy, theo dõi tiến trình học tập của trẻ. Sử dụng bảng tương tác, video bài giảng số, kho học liệu: <https://khohoclieu.edu.vn/>

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng

Nhà trường đã triển khai phần mềm vnEdu để tổ chức hoạt động giáo dục trẻ, với 29/29 giáo viên (100%) thường xuyên sử dụng phần mềm trong công tác chuyên môn. Kho học liệu cơ bản đã được xây dựng với trên 650 tài liệu và học liệu số được số hóa, bao gồm 150 giáo án điện tử phục vụ giảng dạy [2.9 - 09].

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản

Tổ chức hoạt động giáo dục ổn định trên phần mềm vnEdu với tỷ lệ sử dụng đạt 100% (29/29 giáo viên). Kho học liệu phong phú và được cập nhật thường xuyên với trên 650 tài liệu và học liệu số được số hóa, trong đó có 150 giáo án điện tử được sử dụng liên tục trong công tác chuyên môn và giảng dạy [2.9 - 09].

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Hệ thống quản lý giáo dục trẻ hoàn chỉnh với kho học liệu; 100% giáo viên sử dụng để lập giáo án, đánh giá; có quy chế quản lý kho tài liệu.

Tổ chức hoạt động sáng tạo, tích hợp kho học liệu số đa dạng và hiệu quả.

d. Điểm mạnh

Tỷ lệ sử dụng phần mềm vnEdu đạt 100% (29/29 giáo viên); kho học liệu số phong phú với trên 650 tài liệu được số hóa; 150 giáo án điện tử được xây dựng và sử dụng thường xuyên trong công tác chuyên môn; toàn bộ giáo viên thường xuyên ứng dụng phần mềm trong giảng dạy.

e. Điểm yếu

Chưa có thông tin về tính đa dạng và tích hợp các nguồn học liệu số từ nhiều nền tảng khác nhau; chưa rõ mức độ sáng tạo trong tổ chức hoạt động giáo dục (như các hoạt động tương tác, gamification, hoặc tích hợp công nghệ mới); chưa có đánh giá hiệu quả sử dụng kho học liệu đối với kết quả học tập của trẻ.

g. Kế hoạch cải tiến

Mở rộng kho học liệu số bằng cách tích hợp các nguồn học liệu từ nhiều nền tảng số khác nhau (kho học liệu quốc gia, nền tảng giáo dục số uy tín); tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo trên phần mềm vnEdu như các bài học tương tác, trò chơi giáo dục, dự án nhóm số hóa; xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả sử dụng kho học liệu và hoạt động giáo dục số để liên tục cải tiến.

2.9.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 4/7

2.10. Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng

2.10.1. Mô tả thực trạng

Nhà trường có kế hoạch tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phối hợp, thu hút sự tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được đăng tải lên Website, Facebook, Zalo,... của trường.

Tuyên truyền, phối hợp phụ huynh tham gia hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo tuần/tháng/quý.

Phụ huynh phối hợp với nhà trường trong nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ Website: <https://mndongtam-dongtam.gddt.edu.vn/>

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Trao đổi thông tin với phụ huynh còn hạn chế, chưa có lịch phối hợp cụ thể.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Phối hợp phụ huynh định kỳ hàng tháng, có kế hoạch và nội dung rõ ràng.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt: Phụ huynh chủ động tham gia, đóng góp ý kiến cải tiến hoạt động nuôi dưỡng.

d. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng công tác phối hợp với cha mẹ trẻ trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; xây dựng mối quan hệ gắn kết, đồng hành giữa gia đình và nhà trường.

Đã ứng dụng các nền tảng số như Zalo, website, fanpage, phần mềm quản lý trường học và sổ liên lạc điện tử để trao đổi thông tin với cha mẹ trẻ.

Thông tin về tình hình học tập, sức khỏe, chế độ dinh dưỡng, các hoạt động giáo dục của trẻ được cập nhật và chia sẻ thường xuyên, kịp thời.

Phần lớn cha mẹ trẻ tích cực tham gia các hoạt động phối hợp với nhà trường, chủ động trao đổi thông tin và hỗ trợ các hoạt động giáo dục trẻ tại gia đình.

Giáo viên đã từng bước khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ trong việc tuyên truyền kiến thức chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

e. Điểm yếu

Việc ứng dụng các nền tảng số trong phối hợp với cha mẹ trẻ chưa đồng đều giữa các nhóm, lớp.

Một số cha mẹ trẻ còn hạn chế về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chưa thường xuyên tương tác trên các nền tảng số.

Nội dung trao đổi, chia sẻ thông tin trên môi trường số đôi khi chưa phong phú, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của phụ huynh.

Chưa xây dựng được hệ thống dữ liệu số tập trung để quản lý, theo dõi và đánh giá hiệu quả công tác phối hợp với cha mẹ trẻ.

Việc lưu trữ, khai thác và bảo mật thông tin trao đổi trên môi trường số cần được quan tâm hơn.

g. Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ thông qua các nền tảng phù hợp.

Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ cha mẹ trẻ sử dụng các ứng dụng, nền tảng số phục vụ trao đổi thông tin và phối hợp giáo dục trẻ.

Đa dạng hóa nội dung tuyên truyền, chia sẻ về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục kỹ năng và phát triển toàn diện cho trẻ trên môi trường số.

Khuyến khích giáo viên tăng cường tương tác, trao đổi hai chiều với cha mẹ trẻ, đảm bảo thông tin được cập nhật đầy đủ, kịp thời.

Xây dựng hệ thống lưu trữ, quản lý dữ liệu điện tử về công tác phối hợp với cha mẹ trẻ, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc ứng dụng công nghệ số trong công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình để kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng thực hiện.

2.10.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 2.5/7

2.11. Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ

2.11.1. Mô tả thực trạng

Hàng quý nhà trường tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ cho cha mẹ trẻ và cộng đồng.

Đăng tải các bài viết, tài liệu hướng dẫn chăm sóc trẻ qua hộp phụ huynh, trên loa phát thanh, website: <https://mndongtam-dongtam.gddt.edu.vn/>, facebook nhà trường.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: <https://mndongtam-dongtam.gddt.edu.vn/>

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Tổ chức tuyên truyền định kỳ, cha mẹ và cộng đồng tiếp nhận.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt: Đa kênh tuyên truyền liên tục, kiến thức được áp dụng rộng rãi.

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã quan tâm, triển khai thường xuyên công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đến cha mẹ trẻ và cộng đồng.

Đã ứng dụng các nền tảng số như website, fanpage, Zalo, Facebook, số liên lạc điện tử và các nhóm trực tuyến để truyền tải thông tin, tài liệu và hướng dẫn cha mẹ trẻ.

Nội dung tuyên truyền phong phú, thiết thực, tập trung vào các lĩnh vực như dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, giáo dục kỹ năng sống, bảo vệ trẻ em và phát triển toàn diện cho trẻ.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tích cực xây dựng, sưu tầm và chia sẻ các tài liệu, video, hình ảnh, bài viết phục vụ công tác tuyên truyền.

Phụ huynh cơ bản quan tâm, tiếp nhận và phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại gia đình.

e. Điểm yếu

Việc ứng dụng công nghệ số trong công tác tuyên truyền chưa đồng đều giữa các nhóm, lớp; hiệu quả tiếp cận của một số nội dung tuyên truyền còn hạn chế.

Nội dung tuyên truyền trên môi trường số chưa thực sự đa dạng về hình thức, còn chủ yếu là văn bản và hình ảnh đơn giản.

Một số cha mẹ trẻ chưa thường xuyên theo dõi, tương tác hoặc tiếp cận đầy đủ các thông tin tuyên truyền của nhà trường.

Chưa xây dựng được kho dữ liệu số, học liệu số dùng chung phục vụ công tác tuyên truyền, tư vấn và hướng dẫn cha mẹ trẻ.

Việc đánh giá mức độ tiếp cận và hiệu quả của công tác tuyên truyền trên nền tảng số chưa được thực hiện thường xuyên.

g. Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dạy trẻ đến cha mẹ trẻ và cộng đồng.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền trên môi trường số như video, infographic, bài giảng điện tử, hình ảnh trực quan, chuyên đề trực tuyến và các sản phẩm truyền thông số.

Xây dựng và phát triển kho học liệu, tài liệu tuyên truyền số dùng chung của nhà trường.

Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế sản phẩm truyền thông số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

Phát huy hiệu quả các kênh truyền thông số của nhà trường; khuyến khích cha mẹ trẻ tương tác, phản hồi và tham gia các hoạt động tuyên truyền trực tuyến.

Thực hiện khảo sát, đánh giá định kỳ mức độ tiếp cận, hiệu quả tuyên truyền để điều chỉnh nội dung và hình thức phù hợp với nhu cầu của cha mẹ trẻ.

2.11.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản - **Điểm:** 1.5/2.5

2.12. Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

2.12.1. Mô tả thực trạng

Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành Giáo dục. Thực hiện phần mềm quản lý trường học: Vnedu, đồng bộ Cơ sở dữ liệu ngành <https://csdl.tuyenquang.edu.vn>

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Trường cập nhật dữ liệu trên CSDL ngành giáo dục, kết nối với hệ thống csdl.tuyenquang.edu.vn.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Trường kết nối và cập nhật dữ liệu đầy đủ trên CSDL ngành giáo dục kịp thời từng kỳ học, bao gồm mã định danh học sinh.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Kết nối API đầy đủ với CSDL ngành giáo dục, trao đổi dữ liệu tự động, có quy trình định kỳ cập nhật mã định danh, đảm bảo dữ liệu luôn đồng bộ.

d. Điểm mạnh: Trường có chỉ định tổ giúp việc triển khai hệ thống CSDL, chuyển đổi số; có Phó hiệu trưởng chuyên trách.

e. Điểm yếu

Chưa nêu cụ thể tần suất cập nhật, quy trình kiểm tra dữ liệu trước khi gửi lên CSDL ngành.

g. Kế hoạch cải tiến

Xây dựng quy trình cập nhật dữ liệu định kỳ (2 lần/năm hoặc kỳ học); kiểm tra chất lượng dữ liệu trước khi gửi lên CSDL ngành.

2.12.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 3/5.5

2.13. Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác hệ thống CNTT

2.13.1. Mô tả thực trạng

Nhà trường Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Nhà trường ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025 - 2026 theo Quyết định số 206/QĐ-MNĐT ngày 08/10/2025 và 03 văn bản khác để quản lý, chỉ đạo.

- Phân quyền sử dụng, đảm bảo an toàn thông tin.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng

Trường đã ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (Quyết định số 26/QĐ-MNĐT ngày 08/10/2025) [2.13 - 08]. Quy chế quy định rõ trách nhiệm, nguyên tắc sử dụng, an toàn thông tin, phân quyền hệ thống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và

phụ huynh; quy định chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm đối với các tập thể, cá nhân trong khai thác ứng dụng.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản

Quy chế quản lý, vận hành, khai thác ứng dụng được phổ biến và triển khai có hiệu quả thông qua Tổ giúp việc triển khai Hệ thống Cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số (Quyết định số 200/QĐ-MNĐT ngày 26/9/2025) [2.13 - 10]. Tổ gồm 7 thành viên, do Phó Hiệu trưởng Nguyễn Như Quỳnh làm Tổ trưởng, với các nhiệm vụ cụ thể: hỗ trợ cập nhật và chuẩn hóa dữ liệu, hỗ trợ kỹ thuật vận hành phần mềm, tổng hợp báo cáo tiến độ chuyển đổi số. Cơ cấu tổ chức chuyên trách này đảm bảo quy chế được triển khai thực tế, giám sát hiệu quả trong toàn bộ năm học 2025-2026.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Quy chế chi tiết về quản lý, vận hành, khai thác ứng dụng; Ban chỉ đạo hoạt động hiệu quả với các cuộc họp định kỳ; có cơ chế giám sát, đánh giá.

d. Điểm mạnh

Đã ban hành quy chế quản lý vận hành ứng dụng (Quyết định 206/QĐ-MNĐT ngày 08/10/2025) với nội dung đầy đủ bao gồm nguyên tắc sử dụng, phân quyền tài khoản, bảo mật thông tin, trách nhiệm bộ phận và chế độ khen thưởng/xử lý vi phạm. Có Ban Chỉ đạo chuyên trách (8 thành viên) đảm nhận tuyên truyền và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

e. Điểm yếu

Chưa có hình thức, quy trình cụ thể để phổ biến quy chế đến toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh (như họp thông tin, tuyên truyền, đào tạo). Chưa có bằng chứng về kết quả thực hiện, mức độ tuân thủ quy chế và hiệu quả vận hành thực tế của hệ thống ứng dụng.

g. Kế hoạch cải tiến

Tổ chức họp thông tin, buổi tuyên truyền và đào tạo quy chế quản lý vận hành ứng dụng cho toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh để đảm bảo hiểu biết và thực hiện đúng. Xây dựng phương án kiểm tra, đánh giá tuân thủ quy chế định kỳ, rà soát hiệu quả vận hành thực tế và báo cáo kết quả để cải tiến quy chế liên tục.

2.13.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản Điểm: — / 0

*** Kết luận**

Qua đối chiếu với các yêu cầu của 13 tiêu chí thuộc Nhóm tiêu chí 2, Trường Mầm non Đồng Tâm đã triển khai tương đối đầy đủ các ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; ban hành đầy đủ các quy chế, văn bản quản lý, từng bước số hóa dữ liệu và kết nối với cơ sở dữ liệu ngành. Các tiêu chí cơ bản đáp ứng yêu cầu của Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ

sở giáo dục mầm non, tạo nền tảng để nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị và chuyển đổi số trong những năm học tiếp theo.

Tự đánh giá nhóm tiêu chí 2: Đạt 30/60 điểm. Đạt mức 2 - Đáp ứng cơ bản.

III. NHÓM TIÊU CHÍ 3: TRIỂN KHAI DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN

*** Mở đầu**

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và cải cách hành chính, Trường Mầm non Đồng Tâm đã từng bước triển khai các dịch vụ trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tạo thuận lợi cho cha mẹ trẻ trong việc tiếp cận các dịch vụ của nhà trường, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong quản lý.

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ số trong công tác tuyển sinh đầu cấp mầm non, tạo điều kiện để cha mẹ trẻ đăng ký tuyển sinh, cung cấp thông tin và hoàn thiện hồ sơ theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Việc triển khai tuyển sinh trực tuyến góp phần giảm thời gian, chi phí đi lại của phụ huynh, nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu tuyển sinh và bảo đảm tính chính xác trong công tác thống kê.

Để tăng cường sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường, Trường Mầm non Đồng Tâm đã sử dụng các nền tảng số như ứng dụng quản lý giáo dục, website, mạng xã hội và các ứng dụng OTT (Zalo...) để cung cấp thông tin, gửi thông báo, trao đổi tình hình học tập, sức khỏe của trẻ, tiếp nhận phản hồi, hướng dẫn cha mẹ trẻ xin nghỉ học và phối hợp thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Việc kết nối thường xuyên qua môi trường số đã góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa gia đình và nhà trường, tạo sự đồng thuận trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Bên cạnh đó, nhà trường đã triển khai hình thức thu các khoản dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt thông qua tài khoản ngân hàng và các phương thức thanh toán điện tử theo quy định, góp phần bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác tài chính, giảm sử dụng tiền mặt và tạo thuận lợi cho cha mẹ trẻ khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà trường.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, việc triển khai các dịch vụ trực tuyến vẫn còn một số khó khăn do điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin và tỷ lệ sử dụng các dịch vụ số của một bộ phận phụ huynh ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế. Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh sử dụng các dịch vụ trực tuyến; nâng cao chất lượng các ứng dụng số, mở rộng tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt, hoàn thiện quy trình tuyển sinh trực tuyến và tăng cường kết nối giữa gia đình với nhà trường nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

Tiêu chí 3 có 03 tiêu chí con sau

- Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến.
- Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá.
- Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.

3.1. Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến

3.1.1. Mô tả hiện trạng

- Thực hiện phần mềm trong việc tuyển sinh đầu cấp miễn phí. Hồ sơ được tiếp nhận số hoá, trả kết quả đúng thời gian quy định.

Nhà trường đã thông báo kế hoạch tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của nhà trường Website, đăng trên Facebook, Zalo.

- Đầu năm học nhà trường triển khai đăng ký tuyển sinh trực tuyến link: <https://motcua.hagiang.gov.vn>

- Sau thời gian tuyển sinh trực tuyến phụ huynh đăng ký nhập học cho trẻ qua hình thức trực tiếp đến văn phòng nhà trường mua hồ sơ và làm thủ tục nhập học cho trẻ.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng

Trường Mầm non Đồng Tâm đã ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 quy định hình thức tuyển sinh trực tuyến cho trẻ từ 18 đến 72 tháng tuổi. Kế hoạch (KH 77/KH-MNĐT, ngày 05/5/2025) xác định rõ thời gian tuyển sinh trực tuyến từ ngày 20/5 đến hết ngày 20/6/2025, nêu chi tiết chỉ tiêu, hồ sơ, quy trình và phân công trách nhiệm cho các bộ phận thực hiện [3.1 - 09]. Điều này chứng tỏ nhà trường đã có phần mềm/dịch vụ hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến và chuẩn bị sẵn sàng triển khai.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản

Triển khai tuyển sinh trực tuyến hiệu quả

Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển sinh đã tiếp nhận và trả kết quả thành công 45/45 bộ; Phụ huynh có phản hồi tốt dịch vụ vì tiết kiệm thời gian đi lại, nhà trường hỗ trợ tích cực.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt: Tích hợp hoàn toàn, phụ huynh tự thực hiện trực tuyến

d. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp theo đúng quy định của ngành giáo dục và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh.

Thông tin tuyển sinh được công khai đầy đủ, kịp thời trên các kênh thông tin điện tử của nhà trường như website, trang mạng xã hội, nhóm Zalo và các nền tảng trực tuyến khác.

Phụ huynh có thể tiếp cận thông tin tuyển sinh, biểu mẫu đăng ký và các hướng dẫn liên quan thông qua môi trường số, góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí.

Việc ứng dụng công nghệ trong tuyển sinh góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý.

e. Điểm yếu

Việc triển khai tuyển sinh trực tuyến chưa được thực hiện đồng bộ hoặc chưa đạt tỷ lệ cao; một số phụ huynh vẫn thực hiện đăng ký trực tiếp bằng hồ sơ giấy.

Hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm phục vụ tuyển sinh trực tuyến còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu quản lý và khai thác dữ liệu.

Một bộ phận phụ huynh còn gặp khó khăn trong việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng tuyển sinh điện tử.

Việc lưu trữ, quản lý và liên thông dữ liệu tuyển sinh điện tử chưa thực sự hiệu quả.

Công tác hướng dẫn, hỗ trợ phụ huynh tham gia tuyển sinh trực tuyến chưa được thực hiện thường xuyên và đa dạng.

g. Kế hoạch cải tiến

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến theo lộ trình chuyển đổi số của ngành giáo dục.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh sử dụng các nền tảng tuyển sinh trực tuyến thông qua nhiều hình thức như website, mạng xã hội, video hướng dẫn và hỗ trợ trực tiếp.

Phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục để sử dụng hiệu quả các phần mềm và hệ thống tuyển sinh trực tuyến.

Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị và đường truyền internet phục vụ công tác tuyển sinh.

Xây dựng quy trình tiếp nhận, xử lý, lưu trữ và khai thác hồ sơ tuyển sinh điện tử đảm bảo khoa học, thuận tiện và an toàn.

Tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên về quy trình và kỹ năng sử dụng các hệ thống tuyển sinh trực tuyến.

3.1.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 2/4

3.2. Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục

3.2.1. Mô tả hiện trạng

Có triển khai đầy đủ các chức năng thông tin, thông báo, xin nghỉ học bằng điện thoại thông minh, mạng xã hội (zalo, facebook) và điểm danh trên phần mềm <https://vnedu>

Phụ huynh có thể theo dõi tình hình học tập, sức khỏe của trẻ qua ứng dụng zalo, website nhà trường.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Trường sử dụng một số ứng dụng OTT như Zalo, Facebook để kết nối với phụ huynh.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản

Trường triển khai dịch vụ kết nối gia đình-nhà trường qua nhiều kênh (Zalo, Messenger, email, website) có thông báo, điểm danh, xin nghỉ học.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Dịch vụ kết nối toàn diện với phản hồi kịp thời, đánh giá trẻ công khai cho phụ huynh, có quy chế sử dụng rõ ràng, tỉ lệ phụ huynh tham gia cao.

d. Điểm mạnh: Trường chỉ định Tổ trưởng chuyên môn nhà trẻ phụ trách tuyên truyền, nâng cao nhận thức phụ huynh về sử dụng dịch vụ.

e. Điểm yếu: Chưa nêu cụ thể tỉ lệ phụ huynh tham gia các ứng dụng này hoặc tần suất cập nhật thông tin.

g. Kế hoạch cải tiến

Triển khai dịch vụ kết nối qua ứng dụng đa nền tảng (Zalo, Messenger, website); phổ cập cho 100% phụ huynh; tổ chức tập huấn hỗ trợ sử dụng.

3.2.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 3/4

3.3. Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt

3.3.1. Mô tả thực trạng

Nhà trường thực hiện thu tiền theo phương thức chuyển khoản qua các dịch vụ ngân hàng Agribank.

Tỉ lệ thu học phí/dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt đạt 80%.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Trường triển khai một số hình thức thanh toán không dùng tiền mặt cho học phí, tỉ lệ thanh toán chưa cao.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản

Trường kết nối phần mềm kế toán với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt; tỉ lệ thanh toán đạt 50-80%; có nhiều hình thức linh hoạt.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Triển khai hiệu quả thanh toán không dùng tiền mặt đạt 100% khối lượng giao dịch; nhiều hình thức thanh toán linh hoạt, mang tính cộng đồng.

d. Điểm mạnh

Trường chỉ định kế toán phụ trách quản lý, hướng dẫn sử dụng ứng dụng phần mềm thu không tiền mặt; phân công đề xuất mua sắm thiết bị CNTT.

e. Điểm yếu

Chưa nêu cụ thể tỉ lệ hiện tại thanh toán không dùng tiền mặt hoặc các nền tảng thanh toán được sử dụng.

g. Kế hoạch cải tiến

Phối hợp với kế toán kết nối phần mềm quản lý tài chính với các nền tảng thanh toán; phấn đấu đạt 100% thanh toán không dùng tiền mặt.

3.3.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản Điểm: 3 / 4

*** Kết luận**

Qua đối chiếu với các tiêu chí của Nhóm tiêu chí 3, Trường Mầm non Đồng Tâm đã từng bước triển khai các dịch vụ trực tuyến trong tuyển sinh, kết nối giữa gia đình và nhà trường, cũng như thanh toán không dùng tiền mặt. Các dịch vụ được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người học và cha mẹ trẻ, đồng thời tạo nền tảng để nhà trường tiếp tục mở rộng và hoàn thiện các dịch vụ số trong những năm học tiếp theo.

Tự đánh giá nhóm tiêu chí 3: Đạt 8/12 điểm. Đạt mức 2 - Đáp ứng cơ bản

IV. NHÓM TIÊU CHÍ 4: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHUYÊN ĐỔI SỐ

Mở đầu

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định hiệu quả triển khai chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục mầm non. Nhận thức rõ vai trò đó, Trường Mầm non Đồng Tâm luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ năng số đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Nhà trường xác định việc nâng cao năng lực số cho đội ngũ không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là nhiệm vụ lâu dài nhằm thúc đẩy đổi mới phương pháp quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã khuyến khích và tạo điều kiện để giáo viên sử dụng các phần mềm, nền tảng số, học liệu điện tử và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế học liệu, tổ chức các hoạt động giáo dục và trao đổi chuyên môn. Việc khai thác hiệu quả các nguồn học liệu số đã góp phần đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục mầm non.

Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và nâng cao năng lực chuyển đổi số thông qua các nền tảng học tập trực tuyến, các khóa bồi dưỡng do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Đồng thời, nhà trường duy trì sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu

bài học, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công nghệ số, góp phần nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ.

Mặc dù năng lực số của đội ngũ ngày càng được nâng lên, song trình độ ứng dụng công nghệ thông tin giữa các giáo viên vẫn còn chưa đồng đều; việc khai thác các học liệu số và các nền tảng đào tạo trực tuyến ở một số giáo viên chưa thực sự thường xuyên và hiệu quả. Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo nhu cầu, tăng cường tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục mầm non; khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng thông qua các nền tảng số nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành Giáo dục.

Tiêu chí 4 có 02 tiêu chí con sau:

- Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số.

4.1. Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

4.1.1. Mô tả hiện trạng

Hiện tại, nhà trường 29/29 đạt 100% giáo viên biết sử dụng ứng dụng, khai thác học liệu phục vụ công tác chăm sóc giáo dục và quản lý lớp học.

Khai thác học liệu số từ các nền tảng trực tuyến như thư viện điện tử, kho học liệu <https://khohoclieu.edu.vn>

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Một số giáo viên sử dụng ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động giáo dục trẻ.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Đa số giáo viên sử dụng ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động giáo dục trẻ.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Tỷ lệ giáo viên sử dụng ứng dụng, khai thác học liệu đạt 100% (29/29 giáo viên). Toàn bộ đội ngũ giáo viên đã tham gia và hoàn thành 100% các khóa tập huấn trực tuyến, sử dụng đầy đủ phần mềm Gokids để soạn kế hoạch giáo dục phục vụ công tác chăm sóc giáo dục năm học 2025-2026 [4.1 - 17], [4.1 - 16].

d. Điểm mạnh

100% giáo viên (29/29) sử dụng ứng dụng số và khai thác học liệu; 100% tham gia và hoàn thành khóa tập huấn trực tuyến; áp dụng phần mềm Gokids đồng bộ trong soạn kế hoạch giáo dục; năng lực chuyển đổi số đạt mức cao.

e. Điểm yếu

Chưa có dữ liệu về mức độ khai thác sâu các tính năng nâng cao của ứng dụng; chưa rõ tỉ lệ giáo viên sử dụng các loại học liệu số đa dạng (video, bài tập tương tác, v.v.) ngoài phần mềm Gokids; chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả áp dụng thực tiễn trong dạy học.

g. Kế hoạch cải tiến

Nâng cao kỹ năng sử dụng các tính năng nâng cao của Gokids thông qua tập huấn chuyên sâu; mở rộng thư viện học liệu số đa dạng để giáo viên lựa chọn khai thác; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả áp dụng công nghệ số trong thực tiễn giảng dạy hàng quý; theo dõi mức độ sử dụng ứng dụng định kỳ.

4.1.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 3 - Đáp ứng tốt Điểm: 7/10

4.2. Tỉ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số

4.2.1. Mô tả hiện trạng

100% CBGV đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng thường xuyên trên phần mềm theo link: <https://temis.csdl.edu.vn>

Trong năm học 2025-2026, 100% giáo viên đã tham gia các khóa tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI, khung năng lực số, kế hoạch giáo dục.

Nhà trường tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để hỗ trợ giáo viên nâng cao kỹ năng sử dụng các ứng dụng phục vụ công tác chăm sóc giáo dục.

Một số giáo viên chưa có điều kiện tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng chính thức.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng

Trường MN Đồng Tâm đã triển khai tập huấn trực tuyến cho cán bộ quản lý và giáo viên qua ba nền tảng số theo kế hoạch của Sở GD&ĐT. Tính đến ngày 20/6/2026, 100% giáo viên (29/29 người) đã hoàn thành các khóa tập huấn bắt buộc (BC thống kê học nền tảng số.docx) [4.2 - 18]. Tỉ lệ giáo viên được tập huấn trực tuyến đạt 100%, vượt xa yêu cầu mức M1.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản

Nhà trường đã đạt tỉ lệ 100% giáo viên tham gia tập huấn qua nền tảng số, gấp 2.5 lần yêu cầu mức M2 (10-40%). Toàn bộ 33 viên chức quản lý và giáo viên hoàn thành các khóa đào tạo trực tuyến trên ba nền tảng theo kế hoạch (BC thống kê học nền tảng số.docx ngày 20/6/2026) [4.2 - 18]. Điều này cho thấy cơ chế tập huấn số của nhà trường hiệu quả và bền vững.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt

Trường MN Đồng Tâm đã đạt tỉ lệ 100% giáo viên (29/29 người) tham gia và hoàn thành tập huấn trực tuyến qua nền tảng số, vượt trội so với yêu cầu M3 (40-60%). Báo cáo thống kê ngày 20/6/2026 cho thấy toàn bộ đội ngũ quản lý và

giáo viên (33/33) tuân thủ lộ trình đào tạo trực tuyến, sử dụng hiệu quả ba nền tảng số của Sở GD&ĐT (BC thống kê học nền tảng số.docx) [4.2 - 18]. Thành tích này phản ánh sự cam kết cao của nhà trường đối với phát triển năng lực số giáo viên.

d. Điểm mạnh

100% giáo viên đã hoàn thành tập huấn trực tuyến qua nền tảng số; toàn bộ cán bộ quản lý và giáo viên (33/33) tuân thủ kế hoạch của Sở GD&ĐT; sử dụng đa nền tảng (3 nền tảng) hỗ trợ linh hoạt; tỉ lệ hoàn thành vượt trội (100%) so với tiêu chuẩn.

e. Điểm yếu

Một số giáo viên (đặc biệt giáo viên lớn tuổi) còn gặp khó khăn về kỹ năng công nghệ khi thực hành trên nền tảng; tình trạng đường truyền Internet chưa ổn định, ảnh hưởng đến trải nghiệm học tập trực tuyến; chưa có kế hoạch tập huấn chuyên đề dài hạn phù hợp đặc thù giáo dục mầm non.

g. Kế hoạch cải tiến

Tổ chức tập huấn chuyên đề định kỳ (theo quý) về kỹ năng công nghệ cơ bản cho giáo viên, tập trung hỗ trợ giáo viên lớn tuổi; đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng mạng, nâng cấp đường truyền Internet tại nhà trường để đảm bảo kết nối ổn định; xây dựng thư viện tài liệu tập huấn chuyên đề riêng cho bậc mầm non, nâng cao tính phù hợp và hiệu quả đào tạo.

4.2.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 3 - Đáp ứng tốt **Điểm:** 7/10

*** Kết luận**

Qua đối chiếu với các tiêu chí của Nhóm tiêu chí 4, Trường Mầm non Đồng Tâm đã quan tâm phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số thông qua việc nâng cao tỷ lệ giáo viên sử dụng hiệu quả các ứng dụng, học liệu số trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và tạo điều kiện để đội ngũ tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn trên nền tảng số. Đây là nền tảng quan trọng để nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng chuyển đổi số và đáp ứng các yêu cầu của Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục mầm non.

Tự đánh giá nhóm tiêu chí 4: Đạt 14/20 điểm. Đạt mức 2 - Đáp ứng cơ bản

V. NHÓM TIÊU CHÍ 5: HẠ TẦNG, THIẾT BỊ PHỤC VỤ QUẢN TRỊ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ

*** Mở đầu**

Hạ tầng công nghệ thông tin và thiết bị số là điều kiện nền tảng để triển khai hiệu quả chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục mầm non. Xác định rõ vai trò của hạ tầng số đối với công tác quản trị và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, Trường Mầm non Đồng Tâm đã từng bước đầu tư, bổ sung và nâng

cấp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và yêu cầu chuyển đổi số của ngành Giáo dục.

Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã trang bị các thiết bị hỗ trợ hoạt động giáo dục như máy tính, tivi, thiết bị trình chiếu và các thiết bị nghe nhìn tại các phòng học; đồng thời bảo đảm kết nối Internet để phục vụ việc khai thác học liệu số, ứng dụng các phần mềm quản lý và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Việc tăng cường trang bị thiết bị công nghệ đã góp phần đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chuyên môn.

Bên cạnh đó, nhà trường bố trí hệ thống máy tính có kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, điều hành, văn thư, kế toán, y tế trường học và hoạt động chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hệ thống mạng nội bộ và kết nối Internet cơ bản đáp ứng yêu cầu khai thác các phần mềm quản lý, trao đổi văn bản điện tử, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành và triển khai các dịch vụ số của nhà trường.

Mặc dù đã được quan tâm đầu tư, cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin của nhà trường vẫn còn một số hạn chế do điều kiện địa phương miền núi, nhiều điểm trường lẻ, nguồn kinh phí đầu tư còn hạn chế; một số thiết bị đã sử dụng nhiều năm, cấu hình chưa đáp ứng tốt các yêu cầu của các ứng dụng số mới; chất lượng kết nối Internet tại một số điểm trường chưa thật sự ổn định.

Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; bổ sung thiết bị dạy học số, máy tính phục vụ công tác quản lý và chuyên môn; nâng cao chất lượng đường truyền Internet, bảo đảm các phòng học và bộ phận làm việc có đủ điều kiện triển khai hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số.

- Tiêu chí 5 có 02 tiêu chí con

+ Tỷ lệ phòng học có thiết bị (như: thiết bị trình chiếu, tivi, máy tính, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị phụ trợ khác) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet (trong trường hợp thiết bị có cổng kết nối Internet).

+ Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non.

5.1. Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet

5.1.1. Mô tả hiện trạng

Hiện tại, 16/16 nhóm lớp nhóm, lớp trong trường được trang bị thiết bị hỗ trợ như tivi, loa phục vụ giảng dạy.

Hệ thống mạng Internet đã được kết nối đến các phòng học, hỗ trợ giáo viên truy cập tài liệu số.

Tuy nhiên đường truyền mạng Internet còn yếu, các điểm trường chủ yếu sử dụng mạng dữ liệu của cá nhân giáo viên. Hệ thống loa cấp phát hư hỏng dẫn đến một số nhóm, lớp giáo viên tự xã hội hoá để mua sử dụng.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Phòng học có tivi nhưng chưa kết nối internet.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Phòng học có tivi kết nối internet

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt: Phòng học có tivi đã kết nối internet đường truyền tốc độ cao.

d. Điểm mạnh

- Hệ thống máy tính phục vụ quản lý, chuyên môn được bố trí đầy đủ.
- Giáo viên có thể khai thác tài nguyên số để hỗ trợ công tác giảng dạy.

e. Điểm yếu

- Các phòng học chưa có loa để phục vụ hỗ trợ giảng dạy
- Chưa có máy tính phục vụ tổ chuyên môn.

g. Kế hoạch cải tiến

- Kiểm tra, bảo trì định kỳ, bổ sung thêm các thiết bị hỗ trợ mạng cho các phòng học và phòng chức năng để đường truyền Internet luôn ổn định.

5.1.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản **Điểm:** 3/4

5.2. Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non

5.2.1. Mô tả thực trạng

Nhà trường có sổ tài sản được quản lý trên phần mềm, có hóa đơn/chứng từ Internet, máy tính phục vụ văn phòng và tổ chuyên môn.

Nhà trường có hệ thống máy tính kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và chuyên môn.

Bộ phận hành chính chưa có máy tính, máy in để sử dụng riêng. Đường truyền mạng còn yếu khó khăn khi nhập liệu phần mềm.

a. Mức độ 1 - Chưa đáp ứng: Máy tính văn phòng chưa kết nối Internet, thiếu sổ tài sản.

b. Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản: Có máy tính kết nối Internet, sổ tài sản và hóa đơn.

c. Mức độ 3 - Đáp ứng tốt: Hệ thống máy tính đồng bộ, quản lý tài sản và hóa đơn trực tuyến.

d. Điểm mạnh: Hầu hết phòng học có thiết bị hỗ trợ giảng dạy và được kết nối internet.

e. Điểm yếu

Chưa có máy tính phục vụ tổ chuyên môn.

Hệ thống mạng Internet đôi khi chưa ổn định trong giờ cao điểm.

g. Kế hoạch cải tiến: Đầu tư thêm loa để hỗ trợ giảng dạy cho giáo viên, máy tính hỗ trợ tổ chuyên môn.

5.2.2. Tự đánh giá mức: Mức độ 2 - Đáp ứng cơ bản Điểm 3/4

*** Kết luận nhóm tiêu chí 5**

Qua đối chiếu với các tiêu chí của Nhóm tiêu chí 5, Trường Mầm non Đồng Tâm đã từng bước đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và trang bị các thiết bị phục vụ công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tỷ lệ phòng học được trang bị thiết bị hỗ trợ hoạt động giáo dục và máy tính kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, chuyên môn cơ bản đáp ứng yêu cầu của Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số. Tuy nhiên, nhà trường vẫn cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng và thiết bị để đáp ứng tốt hơn yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn tiếp theo.

Tự đánh giá nhóm tiêu chí 5: Đạt 6/8 điểm. Đạt mức 2 - Đáp ứng cơ bản

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

- Căn cứ theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non, căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ, trường Mầm non Đồng Tâm tự đánh giá về mức độ đáp ứng các Quy định về tiêu chí như sau:

Tổng số tiêu chí tự đánh giá: 21 tiêu chí.

Số tiêu chí đạt Mức độ 1: 0 tiêu chí, chiếm 0 %.

Số tiêu chí đạt Mức độ 2: 20 tiêu chí, chiếm 95,24 %.

Số tiêu chí đạt Mức độ 3: 1 tiêu chí, chiếm 4,76%.

Căn cứ kết quả tự đánh giá, Trường Mầm non Đồng Tâm được xác định đạt Mức độ chuyển đổi số: Mức độ 2 đáp ứng cơ bản

Nhà trường kính đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và công nhận Trường Mầm non Đồng Tâm đạt Mức độ chuyển đổi số: Mức độ 2 theo quy định.

Trong quá trình triển khai chuyển đổi số, nhà trường đã từng bước hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung, ứng dụng phần mềm trong công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; tăng cường kết nối với cha mẹ trẻ thông qua các nền tảng số; đồng thời tiếp tục rà soát, bổ sung các điều kiện về thiết bị, hạ tầng và nâng cao năng lực số của đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong những năm học tiếp theo.

Phần IV

PHỤ LỤC**1. Chấm điểm và kết luận tiêu chí 2**

Chỉ số	Mô tả nội dung	Điểm số
2.1	Quản lý thông tin trẻ em	4
2.2	Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em	2
2.3	Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	2,5
2.4	Quản lý thông tin y tế trường học	2,5
2.5	Quản lý thông tin phổ cập giáo dục	3
2.6	Quản lý thông tin tài sản, tài chính	1,5
2.7	Quản lý văn bản điện tử	1
2.8	Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ.	2,5
2.9	Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ	4
2.10	Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường.	2,5
2.11	Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng.	1,5
2.12	Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)	3
2.13	Ban hành, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: (Điều kiện bắt buộc: Quy chế, văn bản)	Đạt
Tổng điểm		30

Tự đánh giá: Đạt 30 điểm, đáp ứng mức độ 2.

Tiêu chí 2: Đạt Mức độ 2

2. Chấm điểm và kết luận tiêu chí 3

Chỉ số	Mô tả nội dung	Điểm số
3.1	Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến	2

3.2	Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục	3
3.3	Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	3
Tổng điểm		8

Tự đánh giá: Đạt 8 điểm, đáp ứng mức độ 2.

Tiêu chí 3: Đạt Mức độ 2

3. Chấm điểm và kết luận tiêu chí 4

Chỉ số	Mô tả nội dung	Điểm số
4.1	Tỉ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	7
4.2	Tỉ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn qua nền tảng số	7
Tổng điểm		14

Tự đánh giá: Đạt 14 điểm. Đáp ứng mức độ 2.

Tiêu chí 4: Đạt Mức độ 2

4. Chấm điểm và kết luận về tiêu chí 5

Chỉ số	Mô tả nội dung	Điểm số
5.1	Tỉ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và được kết nối Internet	3
5.2	Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	3
Tổng điểm		6

Tự đánh giá: Đạt 6 điểm, đáp ứng mức độ 2.

Tiêu chí 5: Đạt Mức độ 2

PHỤ LỤC DANH MỤC MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Minh chứng
—	MN. Tiêu chí chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non	
1	1. Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS	[1 - 07], [1 - 06], [1 - 05], [1 - 04], [1 - 03], [1 - 02], [1 - 01]
2	2. Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	
3	2.1. Quản lý thông tin trẻ em	[2.1 - 12], [2.1 - 11], [2.1 - 10], [2.1 - 09], [2.1 - 08], [1 - 01]
4	2.2. Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em	[2.2 - 16], [2.2 - 15], [2.2 - 14], [2.2 - 13]
5	2.3. Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	[2.3 - 19], [2.3 - 18], [2.3 - 17]
6	2.4. Quản lý thông tin y tế trường học	[2.4 - 22], [2.4 - 21], [2.4 - 20]
7	2.5. Quản lý thông tin phổ cập giáo dục	[2.5 - 27], [2.5 - 26], [2.5 - 25], [2.5 - 24], [2.5 - 23]
8	2.6. Quản lý thông tin tài sản, tài chính	[2.6 - 29], [2.6 - 28]
9	2.7. Quản lý văn bản điện tử	[2.7 - 31], [2.7 - 30], [1 - 01]
10	2.8. Tính khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn	[2.8 - 34], [2.8 - 33], [2.8 - 32]
11	2.9. Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ	[2.9 - 35], [1 - 01]
12	2.10. Phối hợp cha mẹ trẻ trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục	[2.10 - 39], [2.10 - 38], [2.10 - 37], [2.10 - 36]
13	2.11. Tuyên truyền kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ	[2.11 - 45], [2.11 - 44], [2.11 - 43], [2.11 - 42], [2.11 - 41], [2.11 - 40]
14	2.12. Kết nối, trao đổi dữ liệu với CSDL ngành Giáo dục	[2.12 - 48], [2.12 - 47], [2.12 - 46], [1 - 01]
15	2.13. Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác ứng dụng	[2.13 - 52], [2.13 - 51], [2.13 - 50], [2.13 - 49], [1 - 01]
16	3. Triển khai dịch vụ trực tuyến	

17	3.1. Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến	[3.1 - 59], [3.1 - 58], [3.1 - 57], [3.1 - 56], [3.1 - 55], [3.1 - 54], [3.1 - 53]
18	3.2. Dịch vụ kết nối gia đình và cơ sở giáo dục	[3.2 - 60], [2.11 - 41], [1 - 01]
19	3.3. Thu phí dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt	[3.3 - 62], [3.3 - 61], [1 - 01]
20	4. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	
21	4.1. Tỷ lệ giáo viên sử dụng ứng dụng, khai thác học liệu	[4.1 - 65], [4.1 - 64], [4.1 - 63]
22	4.2. Tỷ lệ giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng qua nền tảng số	[4.2 - 67], [4.2 - 66]
23	5. Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị và giáo dục trẻ	
24	5.1. Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ và kết nối Internet	[5.1 - 71], [5.1 - 70], [5.1 - 69], [5.1 - 68]
25	5.2. Máy tính kết nối Internet phục vụ văn phòng, chuyên môn	[5.2 - 72]

Trên đây là báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026 của trường Mầm non Đồng Tâm.

Đồng Tâm, ngày 07 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Vì Thị Chiến

